

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Phụng

2. Ông Trần Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số: 142/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977; thường trú tại: Số nhà 919, đường N3, tổ 9, khu 1, khu Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị Hồng P, sinh năm 1972; thường trú tại: Số nhà 99/22, hẻm 67, đường ĐX 028, khu 2, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 02 năm 2021, bản tự khai 22/4/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – ông Nguyễn Thanh H trình bày:*

Ông Hùng và bà Trịnh Thị Hồng P chung sống vợ chồng với nhau từ tháng 6/2000, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 19/7/2004.

Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp tính tình, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên ông H và bà P đã sống riêng nhau khoảng một năm nay. Vợ chồng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên ông H khởi kiện yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Trịnh Thị Hồng P.

Về con chung: Sau khi ly hôn ông Hùng giao con chung cho bà P tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 27/10/2021 nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng, bị đơn đều vắng mặt.

Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn tuyên bố không công nhận vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung cho bà P nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trịnh Thị Hồng P và yêu cầu giao con chung cho bà P nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – bà Trịnh Thị Hồng P có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn – bà Trịnh Thị Hồng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về nội dung: Ông Nguyễn Thanh H và bà Trịnh Thị Hồng P sống chung vợ chồng với nhau từ năm 2000, trên cơ sở có tự nguyện nhưng không có đăng

ký kết hôn. Do đó, theo pháp luật quy định thì quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà P không phải là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên Tòa, ông H đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với bà P. Quá trình tố tụng bà P đều vắng mặt. Tuy nhiên, qua việc lấy lời khai con chung là cháu Nguyễn Quỳnh N cũng xác định ông H và bà P mâu thuẫn nhau khoảng một năm nay. Ông H ra ở nhà riêng, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Do vậy lời trình bày của ông H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội ngày 09/6/2000, về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình để xử không công nhận cho ông H và bà P là vợ chồng

Về con chung: Ông H yêu cầu sau khi ly hôn ông H giao con chung cho bà P chăm sóc, nuôi dưỡng. Qua làm việc với cháu N có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Bà P không đến Tòa làm việc nên không xác định được điều kiện nuôi con của bà P. Tuy nhiên qua làm việc với ông H và cháu N đều xác định bà P làm nghề buôn bán hải sản, thu nhập từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng nên xác định là bà P có nghề nghiệp ổn định và có thu nhập. Từ khi ông H và bà P sống riêng, cháu N sống chung với bà P. Bà P chăm sóc cháu N tốt nên cháu N luôn khỏe mạnh và học hành đầy đủ. Do vậy Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu N cho bà P chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội ngày 09/6/2000, về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thanh H đối với bà Trịnh Thị Hồng P về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Thanh H và bà Trịnh Thị Hồng P là vợ chồng

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 19/7/2004 cho bà Trịnh Thị Hồng P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông H về việc cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (hai triệu) đồng /tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0051312 ngày 08/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huỳnh Minh Trí